

DANH SÁCH DỰ KIẾN HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2015 - 2016

KHOA S- PHẠM KỸ THUẬT

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	TCĐ	ĐTBHB	Tích điểm	ĐRL	ToeFl	KTX	Mức HB
1	K145140214003	Đào Minh	Huyền	16	4.00	64	84	477	K6	Giỏi
2	K145140214006	Phạm Công	Tiếp	16	4.00	64	82	443	K6	Giỏi
3	K145510202031	Nguyễn Thành	Công	13	4.00	52	84	513	K6	Giỏi
4	DTK1151060014	Hoàng Văn	Thắng	17	3.00	51	82	447	K6	Khá
5	K145140214004	Đông Diệu	My	16	3.00	48	82	413	K6	Khá
6	DTK1151060022	Nguyễn Thị	Nguyệt	19	3.27	62.13	79	403	K6	Khá
7	K135140214075	Nguyễn Thị	Yến	21	3.06	64.26	80	430		Khá
8	K145510202022	Nguyễn Văn	Thắng	17	4.00	68	76		K6	Khá
9	K145510301054	Nguyễn Phông	Đông	15	4.00	60	71		K6	Khá
10	DTK1151060013	Bùi Thị	Thom	20	2.81	56.2	72		K6	Khá
11	DTK0951010481	Lê Quang	Huyền	20	2.80	56	72		K6	Khá
12	DTK0951010152	Nguyễn Văn	Vũ	19	2.81	53.39	72		K6	Khá
13	DTK0951020401	Nguyễn Ngọc	Thái	17	3.08	52.36	85		K6	Khá
14	K145510301034	Đặng Thị	Dung	17	3.00	51	71		K6	Khá
15	DTK1151060003	Trần Xuân	Công	17	2.94	49.98	87		K6	Khá
16	DTK0851010130	Lưu Quốc	Tùng	16	2.81	44.96	82		K6	Khá
17	K145510202009	Nguyễn Thanh	Lông	13	3.00	39	77		K6	Khá
18	11110710690	Nguyễn Bá	Công	10	3.30	33	82		K6	Khá
19	11110710636	Nguyễn Bá	Kiên	11	2.91	32.01	72		K6	Khá
20	11110710123	Nguyễn Văn	Oai	10	3.10	31	84		K6	Khá
21	DTK0851010337	Trình Ngọc	Ngữ	10	3.10	31	72		K6	Khá
22	K145510301009	Nguyễn An	Khang	10	3.00	30	74		K6	Khá
23	K145510301114	Nguyễn Danh	Vông	19	2.85	54.15	71		K4	Khá
24	DTK1051020662	Phạm Đình	Sáng	22	2.81	61.82	74		K3	Khá
25	K145510301091	Nông Thị	Hoa	13	3.00	39	79		K3	Khá
26	DTK1151060001	Lê Thị Ngọc	An	19	3.27	62.13	91			Khá
27	DTK1151060011	Nông Thị ánh	Nguyệt	17	3.54	60.18	76			Khá
28	DTK1151060006	Nguyễn Thị	Hòa	16	3.50	56	86			Khá
29	DTK1151060010	Lục Thị	Mơ	17	3.29	55.93	81			Khá
30	DTK1151060004	Trịnh Thị Thanh	Hồng	12	3.33	39.96	79			Khá
31	DTK0851010346	Phạm Đức	Tấn	10	3.40	34	82			Khá

